

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH

QUYỂN 6

A. GIẢI THÍCH ỨNG TRI THẮNG TƯỚNG

Luận nói: Làm sao biết được tánh y tha này? Do tánh phân biệt hiển hiện tương tự pháp, không cùng với tánh phân biệt đồng thể.

Giải thích: Câu hỏi này nói rằng, tánh phân biệt hiển hiện tương tự pháp, tương tự pháp này không là tánh y tha, lẽ ra cùng với tánh y tha đồng thể, nhưng tại sao nói nó không đồng thể !

Luận nói: Chưa được danh trước đối với nghĩa thì không nên sinh trí. Pháp cùng với danh là một, thì nghĩa này trái nhau.

Giải thích: Tánh y tha tuy cũng do một phần của tánh phân biệt, làm sáng tỏ nhưng không đồng thể với tánh phân biệt. Vì hiển thị nghĩa này cho nên lập ra ba chứng cứ. Đây tức là một chứng cứ. Nếu tánh y tha cùng với tánh phân biệt chung một thể thì sự chấp này trái nhau. Nếu tánh y tha cùng với tánh phân biệt chung một thể, thì trí này không khai tên đối với nghĩa phải sinh. Ví như là tên gọi bình thì đối với nghĩa của bình và trí của bình không sinh. Nếu nghĩa của bình cùng với tên của bình là một thể thì sự này không được thành, vì danh và nghĩa không đồng tướng. Nếu chấp danh và nghĩa chung một thể thì sự chấp này trái nhau. Chứng cứ này hiển thị danh là y tha, hiển thị nghĩa là phân biệt. Tại sao vậy? Vì y tha này là do sự phân biệt của danh.

Luận nói: Do danh nhiều. Nếu danh cùng với nghĩa là một, danh đã nhiều, nghĩa cũng phải nhiều, thì nghĩa và thể trái nhau.

Giải thích: Đây là chứng cứ thứ hai. Hoặc một nghĩa có nhiều danh. Nếu danh cùng với nghĩa chung một thể, như danh nhiều thì nghĩa cũng phải trở thành nhiều. Nếu như thế thì một nghĩa phải có nhiều thể. Một vật nhiều thể thì nghĩa này trái nhau. Do đó, nếu hai tánh chung một thể thì trở thành trái nhau thứ hai.

Luận nói: Do tên không định và thể tướng tạp thì nghĩa này trái nhau.

Giải thích: Ví như tên Cù làm đề mục cho chín nghĩa. Nếu nói danh cùng với nghĩa làm một thể, là hai thể trái nhau thì trở thành trái ngược nhau thứ ba. Chỗ đề mục các nghĩa của tên cù, tương mạo bất đồng, do thừa nhận một thể thì một xứ của pháp trái ngược được thành, vì không có nghĩa này cho nên hai tánh không được làm một thể.

Luận nói: Trong đây nói kệ rằng.

Giải thích: Vì làm rõ lại nghĩa trước cho nên nói kệ. Bài Kệ thứ nhất làm rõ y tha và phân biệt không chung một thể. Nghĩa này được thành là do ba thứ trái nghịch.

Luận nói:

*Danh trước không có trí,
Nhiều tên và bất định,
Nghĩa thành do đồng thể,
Nhiều thể tạp trái nhau.
Pháp không hiển tự có,
Vô nhiễm nhưng có tịnh,
Cho nên ví việc huyễn,
Cũng ví dụ hư không.*

Luận nói: Nghĩa thành.

Giải thích: Tức là thuyết minh tánh y tha và tánh phân biệt không đồng thể thì nghĩa thành.

Luận nói: Danh trước không có trí, là đồng thể trái nhau.

Giải thích: Đây là trái nhau thứ nhất.

Luận nói: Nhiều tên đồng thể, là nhiều thể trái nhau.

Giải thích: Đây là trái nhau thứ hai.

Luận nói: Và bất định, là đồng thể và tạp thể trái nhau.

Giải thích: Đây là trái nhau thứ ba. Bài kệ sau để dạy cho đệ tử, vì đệ tử đối với ba sự sinh nghi ngờ.

Luận nói: Pháp không hiển tương tự có, vô nhiễm nhưng có tịnh.

Giải thích: Đây là thuyết minh do hai thứ trái nhau mà sinh nghi. Không có pháp mà hiển pháp tương tự đó là trái nhau thứ nhất, trong không nhiễm mà có tịnh là trái nhau thứ hai.

Luận nói: Cho nên ví việc huyễn, cũng ví dụ hư không.

Giải thích: Tức là lấy ví dụ này để giải thích nghi ngờ của đệ tử. Ví dụ các ảnh tượng do huyễn Hóa thật ra không hiển hiện là có. Các pháp phân biệt cũng như thế, thật ra là không nhưng hiển hiện tựa như có. Có này cũng có thể thấy. Ví dụ như hư không, không vị vậy nhiễm bởi năm thứ ngăn cản như mây v.v... Tự tánh thanh tịnh, mọi ngăn cản

như mây sau khi diệt mất thì cũng nói hư không là tịnh. Các pháp cũng như thế, tự tánh thanh tịnh không có ô nhiễm, nhưng do khách trần che lấp. Sau khi diệt chướng ngại thì thấy thanh tịnh.

Luận nói: Tại sao hiển hiện như vậy mà thật ra là chẳng có? Vì tất cả loại pháp của tánh y tha là chẳng phải không có.

Giải thích: Đây là hỏi rằng, nếu tánh y tha, chỗ hiển hiện như vậy mà không có gì thì tánh chất tất cả các pháp này cũng không phải không. Ý này là thế nào!

Luận nói: Nếu không có tánh y tha thì tánh chân thật cũng không có, tất cả không có gì mà không thành. Nếu không có tánh y tha và tánh chân thật thì không có lỗi của phẩm vị nhiễm ô và phẩm thanh tịnh, mà hai phẩm này được biết là chẳng phải không có, cho nên không phải tất cả đều không có. Trong đây nói kệ:

*Không có tánh y tha,
Tánh chân thật cũng không,
Và thường không hai phẩm,
Là nhiễm ô, thanh tịnh.*

Chư Phật Thế Tôn trong Đại thừa nói Kinh Tỳ-phật-lược, trong Kinh này nói: Thế nào là nên biết tánh phân biệt? Do nói phẩm Loại không và có, phải biết tánh này. Thế nào là tánh y tha nên biết? Do nói việc huyền, Nai khát nước, tướng mộng, ánh sáng và bóng ảnh, tiếng vang trong hang động, trăng dưới nước, biến Hóa... các thí dụ như vậy, phải biết tánh của nó. Thế nào là tánh chân thật nên biết? Do nói bốn loại pháp thanh tịnh, phải biết tánh này.

Giải thích: Nếu không có tánh này thì tánh chân thật cũng không có. Tại sao vậy? Nếu có nhiễm ô thì có thanh tịnh, nếu cả hai pháp đều không thì tất cả đều không. Tất cả không, do phương tiện này có thể hiển thị sự bất thành của nó. Cái gì là phương tiện? Bác không có sinh tử và Niết-bàn, nghĩa này không thể lập. Do ô phẩm nhiễm và phẩm thanh tịnh có thể thấy, cho nên hai pháp hiển thị hiện. Nếu bác bỏ cho rằng không có, thì trở thành tà kiến, cũng gọi là huỷ báng tổn giảm. Cho nên tánh phân biệt là không có. Tánh y tha thì không thể bác rằng không có. Do đó mà biết phân biệt và y tha không được đồng thể.

Luận nói: Bốn loại pháp thanh tịnh. Một là pháp này xưa nay tự tánh vốn thanh tịnh, gọi là như hư không, thật tế, vô tướng chân thật, pháp giới

Giải thích: Do pháp đó tự tánh xưa nay thanh tịnh. Sự thanh tịnh này gọi là như như. Đối với tất cả chúng sinh đều bình đẳng có, vì là

tướng thông suốt. Do pháp này là có cho nên nói tất cả pháp gọi là Như Lai Tạng.

Luận nói: Hai là thanh tịnh không cấu nhiễm, là pháp này xa lìa tất cả chướng cấu uế của khách trần.

Giải thích: Như Lai Tạng đó lìa hoặc chướng và trí chướng, do đây mà vĩnh viễn thanh tịnh, chư Phật Như Lai được hiển hiện.

Luận nói: Ba là đạt được đạo thanh tịnh, tức tất cả pháp trợ đạo và các pháp Ba-la-mật.

Giải thích: Là đạt được đạo thanh tịnh của Bồ-tát, vì đạo này có thể được thanh tịnh, cũng gọi là đạo thanh tịnh, tức là Bát-nhã Ba-la-mật, và các pháp trợ đạo bốn niệm xứ...

Luận nói: Bốn là con đường phát sinh cảnh giới thanh tịnh, tức là nói về pháp đại thừa chơn chánh.

Giải thích: Đạo và Trợ đạo sinh khởi cảnh giới sở duyên, là mười hai bộ Tu-đa-la chánh thuyết, là tư lương thanh tịnh, cũng gọi là thanh tịnh.

Luận nói: Tại sao vậy?

Giải thích: Tại sao nói làm phát sinh cảnh giới đạo thanh tịnh? Vì thu nhiếp vào tánh chân thật, không phải phân biệt và y tha.

Luận nói: Đây nói là nhân thanh tịnh, không phải phân biệt, mà nó lưu xuất từ pháp giới thanh tịnh, không phải y tha do bốn loại thanh tịnh pháp này nhiếp hết tất cả pháp thanh tịnh.

Giải thích: Đây chính nói nếu thuộc tánh phân biệt thì phải thành nhân nhiễm ô, vì là nhân thanh tịnh, nên không phải tánh phân biệt. Nếu thuộc tánh y tha, thì như tánh y tha cũng phải trở thành hư vọng, nhưng sự lưu chảy của pháp giới thanh tịnh này làm thể cho nên không phải hư vọng. Vì vượt ngoài hai tánh cho nên thuộc tánh chân thật. Nếu nói tùy một thanh tịnh trong bốn thứ thanh tịnh, thì đây là nói trong đại thừa phải biết thuộc tánh chân thật. Thanh tịnh thứ nhất và thanh tịnh thứ hai, do không có biến dị cho nên trở thành chân thật. Thanh tịnh thứ ba và thứ tư do không có điên đảo cho nên trở thành chân thật.

Luận nói: Trong đây nói kệ.

Giải thích: Muốn lập lại nghĩa này cho rõ ràng, do đó nói kệ.

Luận nói:

*Các huyễn hiển y tha,
Nói không hiển phân biệt,
Nếu nói bốn thanh tịnh,
Đây nói thuộc chân thật.*

*Thanh tịnh do bản tánh,
Đạo vô cấu duyên duyên,
Tất cả pháp thanh tịnh,
Bốn đều nhiếp phẩm loại.*

Luận nói: Các huyền hiển y tha.

Giải thích: Lĩnh vực đó, Như Lai nói tất cả pháp như sự huyền, cho đến như thí dụ biến Hóa. Phải biết đây là nói y tha.

Luận nói: Nói không hiển phân biệt.

Giải thích: Nếu nói không có sắc cho đến không có tất cả pháp, phải biết lời nói này là nói phân biệt. Đây là dụng ý Như Lai nói tánh y tha, lấy các huyền sự làm thí dụ. Bây giờ sẽ nói về nghĩa này.

Luận nói: Nếu nói bốn thứ thanh tịnh, thì thuyết này thuộc chân thật, thanh tịnh do bản tánh không có duyên với đạo cấu nhiễm. Tất cả pháp thanh tịnh thì bốn thứ thanh tịnh đều nhiếp các phẩm loại. Nhân gì, duyên gì là tánh y tha? Như sự nói việc huyền của Kinh, chỗ hiển thị thí dụ, trong tánh y tha là để trừ nghi hoặc hư vọng của người khác. Tại sao người khác đối với trong tánh y tha sinh ra nghi hoặc hư vọng? Các thuyết trong tánh y tha có tâm nghi hư vọng như vậy. Nếu thật không có vật thì tại sao thành cảnh giới? Vì giải quyết nghi này cho nên nói thí dụ huyền sự.

Giải thích: Đối với hư vọng khởi nghi cho là thật có, vì không tin là hư vọng cho nên gọi là nghi hư vọng. Pháp này nếu hiển hiện thành cảnh giới thì tại sao nói là hư vọng? Cho nên lấy huyền sự để thí dụ tánh y tha, ví như các ảnh tượng huyền Hóa thật ra không có, nhưng cũng thành cảnh giới. Các pháp cũng vậy, vì trừ các nghi này cho nên cần phải lập các thí dụ.

Luận nói: Nếu không có cảnh giới, thì Tâm và Tâm pháp làm sao được sinh? Để giải quyết nghi này, cho nên nói thí dụ Nai khát nước.

Giải thích: Nai khát nước là thí dụ cho tâm và tâm pháp. Lấy nước để thí dụ cho trần, nai do khát nước dao động sinh thức, duyên nước làm cảnh, nhưng thật ra không có nước. Cũng như vậy, tâm và tâm pháp khởi các sự biến dị, đối với chỗ không có trần mà sinh ra thức duyên trần.

Luận nói: Nếu thật không có trần, ái và phi ái, thì sự thọ dụng tại sao được thành? Vì giải quyết nghi này cho nên nói thí dụ các tướng mộng.

Giải thích: Ví như trong mộng, không thật có trần, nhưng cũng thấy có các thọ dụng yêu, ghét... trong tánh y tha này cũng vậy, không

có thật trần mà cũng thấy có thọ dụng yêu, ghét...

Luận nói: Nếu thật không có pháp, thì nghiệp thiện, nghiệp ác, quả báo ái và quả báo phi ái làm sao được sinh? Vì để giải quyết nghi này cho nên nói thí dụ hình ảnh.

Giải thích: Ví như trong gương, không có thật ảnh trần, trên tướng mặt khởi ảnh thức. Ảnh trần này không phải không hiển hiện. Hai quả yêu, ghét cũng vậy, thật ra chẳng có mà hiển hiện tựa như có.

Luận nói: Nếu thật không có pháp thì tại sao các loại trí trí sinh? Vì để giải quyết nghi này cho nên nói thí dụ ánh sáng và bóng ảnh.

Giải thích: Ví như người đùa với bóng, thấy bóng có các thứ tướng mạo, tùy theo bóng mà khởi lên các thứ thức, không có thật ảnh trần. Các thứ thức trần cũng vậy, thật ra là chẳng có gì mà có các thứ trần hiển hiện.

Luận nói: Nếu không có thật pháp thì tại sao nhiều loại ngôn thuyết khởi? Vì để giải quyết nghi này cho nên nói thí dụ tiếng vang trong hang động.

Giải thích: Ví như thật không có tiếng vang mà hiển hiện có thể nghe. Các sự nói năng cũng vậy, thật không có mà hiển hiện có thể nghe được.

Luận nói: Nếu thật không có pháp thì tại sao trở thành duyên pháp chân thật, cảnh giới của định tâm? Vì để giải quyết nghi này cho nên nói thí dụ nước và trăng.

Giải thích: Ví như không có thật trần nước và trăng nhưng hiển hiện có thể thấy được, do nước sáng láng trong lặng. Nếu tâm người được định thì không có thật trần làm cảnh, nhưng cũng hiển hiện có thể thấy được. Nước thí dụ cho định, vì định tâm sáng láng trong lặng.

Luận nói: Nếu thật không có pháp thì tại sao các Bồ-tát do đó khởi tâm, không có tâm điên đảo, vì người khác mà khởi các sự lợi ích, thọ sinh trong Lục đạo? Vì để giải quyết nghi này cho nên nói thí dụ biến Hóa.

Giải thích: Ví như không có trần thật mà biến Hóa, thì tùy theo chỗ làm của người biến Hóa mà các chỗ tạo tác đều thành trần được hóa, không phải không hiển hiện. Bồ-tát thọ sinh cũng như thế, thật không có thân thọ sinh sáu đường, làm sự lợi ích tất cả chúng sinh và thân thọ sinh cũng hiển hiện. Còn có nghĩa gì nữa? Phật Thế Tôn nói các thí dụ việc huyễn, lại có nghĩa khác. Bây giờ sẽ nói ý của Phật. Thí dụ huyễn sự là đối trị nhãn căn... sáu nội căn. Các căn như ảnh tượng huyễn Hóa, thật ra không phải có mà hiển hiện tựa như có. Nai khát

nước là thí dụ khí thể giới. Do các đại này hiển hiện như nước, thật ra không có, nhưng đối với nai khát nước thì hiển hiện tựa như có, vì dao động. Khí thể giới này, chúng sinh chấp là sắc... pháp có thể thọ dụng, như chấp nước trong thí dụ nai khát nước, cho là có thể uống được. Để đối trị chấp này cho nên nói thí dụ mộng và tướng. Ví như sắc... các trần trong mộng là không có, nhân đó có thọ dụng yêu, ghét... để đối trị thân nghiệp cho nên nói thí dụ hình ảnh. Nướng vào nghiệp thiện, ác của thân có riêng sắc tướng tự hình ảnh sinh. Để đối trị khẩu nghiệp cho nên nói thí dụ tiếng vang trong hang động. Do thí dụ này làm rõ khẩu nghiệp là nhân mà có quả báo của khẩu nghiệp, cũng như tiếng vang trong hang động. Ý nghiệp có ba thứ: 1. Bất tịch tĩnh, tịnh địa là: Tán động nghiệp của cõi Dục. 2. Tịch tĩnh địa, tức là tu tuệ. 3. Văn tuệ và Tư tuệ. Để đối trị ý nghiệp của địa bất tịnh, cho nên nói thí dụ ánh sáng và bóng ảnh. Do thí dụ này mà làm rõ quả báo của ý nghiệp cũng như ánh sáng và cái bóng. Để đối trị ý nghiệp của cõi tịch tĩnh, cho nên nói thí dụ nước và trăng để hiển thị quả báo của ý nghiệp. Ví như nước và trăng, như trăng trong nước thật ra không có trăng mà hiển hiện tựa trăng, tịch tĩnh tâm cũng vậy, thật ra không có, nhưng trong tâm tịch tĩnh có dao động, quả của đời hiện tại và quả của đời vị lai hiển hiện. Là tâm tịch tĩnh này thì không có quả khác. Để đối trị ý nghiệp của phẩm loại văn và tư cho nên nói thí dụ biến Hóa. Nếu là văn và tư huân tập sinh quả báo nghiệp, ví như biến Hóa phẩm loại không có cũng hữu hiển hiện. Văn và tư sinh nghiệp quả báo cũng vậy, do pháp ba tánh như vậy này làm tướng thì Kinh mà Như Lai nói đều tùy thuận. Bây giờ sẽ nói tùy thuận nghĩa kinh.

Luận nói: Trong kinh Bà-la-môn Vấn nói: Nướng vào nghĩa gì mà Thế Tôn nói những lời như vậy? Như Lai không thấy sinh tử, không thấy Niết-bàn. Trong tánh y tha, nướng vào tánh phân biệt và nướng vào tánh chân thật, sinh tử làm Niết-bàn, nướng vào nghĩa không sai biệt. Tại sao vậy? Vì tánh y tha này do một phần của tánh phân biệt trở thành sinh tử, do một phần tánh chân thật mà trở thành Niết-bàn.

Giải thích: Tánh y tha không phải sinh tử, do tánh này nhân theo tánh chân thật mà thành Niết-bàn, nhưng tánh này không phải Niết-bàn. Tại sao vậy? Tánh này do phân biệt phần tức là sinh tử, do đó không thể quyết định nói là một phần. Nếu thấy một phần thì phần tánh còn lại không khác, cho nên không thấy sinh tử, cũng không thấy Niết-bàn. Do ý này cho nên Như Lai đáp Bà-la-môn như vậy.

Luận nói: Trong A-tỳ-đạt-ma Tu-đa-la, Phật Thế Tôn thuyết pháp

có ba thứ: 1. Phần nhiễm ô. 2. Phần thanh tịnh. 3. Phần nhiễm ô thanh tịnh. Dựa vào nghĩa nào mà nói ba phần này? Trong tánh y tha thì tánh phân biệt làm phần nhiễm ô, tánh chân thật làm phần thanh tịnh, tánh y tha vừa làm nhiễm ô vừa làm thanh tịnh. Dựa vào nghĩa như vậy mà nói ba phần này.

Giải thích: Trong A-tỳ-đạt-ma Tu-đa-la, nói tánh phân biệt lấy phiền não làm tánh. Tánh chân thật lấy phẩm chất thanh tịnh làm tánh. Tánh y tha thì do có đủ hai phần cho nên lấy hai tánh làm tánh. Thuyết pháp có ba thứ: 1. Phiền não làm phần. 2. Thanh tịnh làm phần. 3. Hai pháp làm phần. Nương nghĩa này mà nói như vậy.

Luận nói: Trong nghĩa này lấy gì làm thí dụ? Lấy quặng và đất làm thí dụ. Ví như thấy vàng quặng đất có ba pháp: 1. Địa giới (cõi). 2. Vàng. 3. Đất. Đất trong địa đất không phải có nhưng hiển hiện. Vàng thì thật có nhưng không hiển hiện. Đất này nếu lấy lửa thiêu đốt luyện thì đất không hiện, tướng vàng tự hiện. Đất của địa giới này khi hiển hiện là do tướng hư vọng hiển hiện. Khi vàng hiển hiện là do chân thật tướng hiển hiện. Do đó địa giới có hai phần.

Giải thích: Vì làm rõ nghĩa này, Như Lai nói thí dụ về vàng ẩn trong đất. Vàng là vật ẩn tàng. Địa giới là chủng tử của vàng, cho nên nói vàng ẩn trong đất. Lấy vật có xúc chạm cứng rắn là địa giới, lấy chỗ tạo sắc là đất, là các sắc trần. Ba thứ này có thể hiểu rõ. Địa giới này trước hết do tướng đất hiển hiện. Sau đó tướng vàng hiển hiện. Tại sao vậy? Vì địa giới này nếu do lửa thiêu luyện thì tướng vàng hiển hiện. Cho nên đối với địa giới thật có vàng. Nghĩa này đáng tin.

Luận nói: Như vậy bản thức khi chưa bị lửa của trí không phân biệt thiêu luyện, thì thức này do tánh phân biệt hư vọng hiển hiện, không do tánh chân thật hiển hiện. Nếu khi bị lửa của trí vô phân biệt thiêu luyện thì thức này do đó mà thành tự, tánh chân thật hiển hiện, không do hư vọng tánh phân biệt hiển hiện. Cho nên thức tánh phân biệt hư vọng, tức là tánh y tha có hai phần. Ví như chỗ có địa giới mà vàng ẩn tàng trong đó. Lại nữa, có chỗ Thế Tôn nói: Tất cả pháp thường trụ”, hoặc có chỗ nói: Chẳng phải thường chẳng phải vô thường. Nương vào nghĩa gì mà nói là thường ? Tánh y tha này do tánh chân thật mà được thường trụ. Do tánh phân biệt mà gọi là Vô thường. Do hai tánh này mà có chẳng phải thường chẳng phải vô thường. Như vậy nương vào nghĩa này mà nói thường, vô thường, chẳng phải thường chẳng phải vô thường. Như vậy mà nói khổ, lạc, phi khổ lạc. Thiện, ác và chẳng phải thiện ác, không, chẳng không, chẳng phải không, chẳng phải chẳng

không. Ngã, vô ngã, chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã. Tịnh, bất tịnh, chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh. Có tánh, vô tánh, chẳng phải có tánh, chẳng phải vô tánh. Có sinh, vô sinh, chẳng phải có sinh, chẳng phải vô sinh. Có diệt, vô diệt, chẳng phải có diệt, chẳng phải vô diệt. Bản lai tịch tĩnh, không tịch tĩnh, chẳng phải bản lai tịch tĩnh, chẳng phải không tịch tĩnh, bản lai Niết-bàn, chẳng phải Niết-bàn, chẳng phải bản lai Niết-bàn, chẳng phải không Niết-bàn, sinh tử, Niết-bàn, chẳng phải sinh tử, chẳng phải Niết-bàn. Do những thứ sai biệt này, chư Phật Như Lai nương vào nghĩa này mà bí mật nói. Do ba tánh này tùy theo chánh thuyết quyết định rõ ràng là thường hay vô thường, như trước đã giải thích. Trong đây nói kệ:

*Pháp thật ra không có,
Tợ như nhiều loại hiện,
Pháp này là phi pháp,
Mà không có hai nghĩa.*

Giải thích: Pháp, chẳng phải pháp và chẳng phải phi pháp, do pháp này thật ra là không có mà phi pháp giống như có hiển hiện. Chẳng phải phi pháp thì do phi pháp và chẳng phải phi pháp cho nên nói không có hai nghĩa.

Luận nói:

*Nương một phần mà nói,
Hoặc có, hoặc chẳng có,
Nương hai phần mà nói,
Chẳng có, chẳng chẳng có.*

Giải thích: Nếu nương vào mỗi mỗi phần thì không thể nói các pháp là có và không có, nếu như chỗ hiển hiện không giống như có cho nên không thể nói là có, tuy thật ra chẳng phải có giống như có hiển hiện nhưng không thể nói chẳng phải có. Nếu nắm lấy mỗi mỗi phần thì phải phán quyết như vậy. Nếu căn cứ theo tánh y tha có đủ hai phần thì nói các pháp là chẳng phải có và chẳng phải không có.

Luận nói:

*Nếu hiển hiện không có,
Cho nên nói là không,
Nếu hiển hiện thật có,
Cho nên nói chẳng không.*

Giải thích: Nếu sự hiển hiện không phải có như vậy, thì nương vào nghĩa không có mà nói vĩnh viễn không có. Tuy không có không phải không hiển hiện, thì nương vào nghĩa chỉ có có hiển hiện mà nói

chẳng phải không.

Luận nói:

*Do tự thể chẳng có,
Vì tự thể không trụ,
Nếu như chấp không có,
Ba tánh thành vô tánh.
Do vô tánh mà thành,
Trước y chỉ cho sau,
Tịnh vốn không sinh diệt,
Và tự tánh Niết-bàn.*

Luận nói: Do Tự thể chẳng có.

Giải thích: Nay sẽ làm rõ điều Như Lai nói về ý nghĩa tánh không. Câu thứ nhất một phần thuyết minh tánh không chung cả đại thừa và tiểu thừa. Đây chính là hiển thị ý riêng của tánh không. Chẳng phải có là hiển thị chung tánh không. Do các pháp lìa nhân duyên hoà hợp, không quan hệ với ngoại duyên tự nhiên mà thành, vì không có nghĩa này. Tất cả pháp vô không có tự tánh. Thể chẳng phải có, cũng là không có tự tánh. Điều này có ý riêng, là căn cứ theo quá khứ và vị lai thì thể này đã diệt, do thể này lập thêm pháp làm có thì không có nghĩa như vậy, vì thể này chưa có. Thể này lập pháp sẵn có làm có, cũng không có nghĩa này, cho nên hai đời quá khứ và vị lai đều không có tự tánh.

Luận nói: Vì tự thể không trụ.

Giải thích: Nếu các pháp đã sinh, thì chỉ có thời sinh mà không có nghĩa năng trụ. Đã không có năng trụ cho nên hiện tại cũng không có thể, thì ba đời này không có tự tánh, cũng chung với đại thừa và tiểu thừa.

Luận nói: Nếu như cho là không có thì ba tánh thành không có tự tánh.

Giải thích: Do của tánh phân biệt làm rõ, nên thật ra là không có, không có tướng tánh, vì tánh phân biệt không có thể tướng. Y tha không có chỗ y chỉ, cho nên thành tánh vô sinh. Hai tánh “không” này không có vô tự tánh cho nên là tánh chân thật không có tự tánh. Ba tánh không này chỉ có đại thừa mới có, các thừa khác không có.

Luận nói: Do không có tự tánh mà trở thành cái trước làm nơi tựa cho cái sau, không có sinh diệt vốn thanh tịnh và tự tánh Niết-bàn.

Giải thích: Do các pháp vĩnh viễn thật không có tự tánh, thì bốn nghĩa của tất cả vô sinh được thành. Tại sao vậy? Do các pháp vốn không có tự tánh cho nên vô sinh. Nếu vô sinh thì không có diệt. Do vô

sinh và vô diệt cho nên xưa nay tịch tĩnh. Do xưa nay tịch tĩnh cho nên tự tánh Niết-bàn được thành. Cái trước thành lập nơi tựa cho cái sau, là vô tánh thành lập vô sinh cho nên làm nơi tựa cho vô sinh. Ba pháp sau cũng như thế.
